

Bản án số: 75/2023/DS-PT

Ngày: 18-4-2023

V/v: Tranh chấp đòi lại di sản thừa kế

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phạm Việt Cường**

Các Thẩm phán: Ông **Lê Phước Thanh**

Ông **Phạm Văn Hợp.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Đinh Thị Trang** - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Đỗ Xuân Ân** - Kiểm sát viên.

Ngày 18-4-2023, từ điểm cầu Trung tâm tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng nối với điểm cầu Thành phần tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai bằng hình thức trực tuyến đối với vụ án dân sự thụ lý số 247/2022/TLPT-DS ngày 28-11-2022 về “Tranh chấp đòi lại di sản thừa kế”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2022/DS-ST ngày 31-8-2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 986/2023/QĐXX-PT ngày 23-3-2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1944; địa chỉ cư trú: Nhà số 165 T, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Lê Kim K**, sinh năm 1976; địa chỉ cư trú: thành phố Đà Nẵng, có mặt tại điểm cầu Thành phần.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Nguyễn Thị L:

Luật sư **Nguyễn Văn D** - Công ty Luật TNHH hai thành viên D, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đà Nẵng; địa chỉ công ty: thành phố Đà Nẵng, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn:

1. Ông Nguyễn Đ S, sinh năm 1973; địa chỉ cư trú: thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam, có mặt tại điểm cầu Thành phần.

2. Bà Phan Thị Đ, sinh năm 1977; địa chỉ cư trú: Nhà số 54, T, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam, có mặt tại điểm cầu Thành phần.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phan Thị Đ:

Luật sư **Nguyễn Thành Q** - Văn phòng luật sư Q, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Nam; địa chỉ văn phòng: tỉnh Quảng Nam, có mặt tại điểm cầu Thành phần.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lê Xuân Q, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: Nhà số 167 T, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

2. Bà Nguyễn Thị C, sinh năm 1952; địa chỉ cư trú: Hoa Kỳ, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Xuân Q và bà Nguyễn Thị C:

Ông Lê Kim K, sinh năm 1976; địa chỉ cư trú: thành phố Đà Nẵng, có mặt tại điểm cầu Thành phần.

3. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1963; địa chỉ cư trú: thành phố Đà Nẵng, có mặt tại điểm cầu Trung tâm.

4. Bà Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1978; địa chỉ cư trú: thành phố Đà Nẵng, có mặt tại điểm cầu Trung tâm.

5. Bà Nguyễn Thị Bích Đ, sinh năm 1970; địa chỉ cư trú: Số 396 T, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam, vắng mặt.

6. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960; địa chỉ cư trú: thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

7. Bà Nguyễn Thị Phương L, sinh năm 1969; địa chỉ cư trú: thành phố Đà Nẵng, có mặt tại điểm cầu Trung tâm.

8. Bà Nguyễn Thị Phương H, sinh năm 1972; địa chỉ cư trú: thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

9. Ông Nguyễn Đ B, sinh năm 1975; địa chỉ cư trú: thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

10. Ông Nguyễn Đ T, sinh năm 1981; địa chỉ cư trú: thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Cha bà Nguyễn Thị L là ông Nguyễn Đ T (sinh năm 1906, mất năm 1970), mẹ đích (vợ cả của ông T) là bà Nguyễn Thị C (sinh năm 1906, mất năm 1989, không có con) và mẹ ruột là bà Đặng Thị M (sinh năm 1906, mất năm 1980). Cha và mẹ ruột bà L (bà Đặng Thị M) có 03 người con chung là: Bà Nguyễn Thị H (sinh 1942, mất năm 1990, không có chồng và có một người con duy nhất là ông Lê Xuân Q), bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị C (sinh năm 1952). Sinh thời cha bà L đã tạo lập được các thửa đất số hiệu 4444, 5403, 4558 và 4555 tại xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam hiện nay là thửa đất số 237, bản đồ số 23, địa chỉ số 54 T, khu phố 3, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Trên thửa đất này có một nhà thờ là nơi thờ tự tộc Nguyễn Đ và một nhà cấp 4 để ở. Ngày 25-4-1967, cha bà L lập “Bản phân thư trích trí ruộng tự” đã được Ủy ban hành chính xã B (chế độ cũ) xác nhận. Trong đó, giao cho ông Nguyễn Đ Bá (sinh năm 1937, mất năm 2006) là cháu đích tôn gọi cha bà L là bác ruột trông coi nhà thờ. Ngày 14-12-1972, mẹ cả bà L là Bà Nguyễn Thị C đã hợp Tộc họ và lập

Biên bản cuộc họp giao cho ông Nguyễn Đ Bá trông coi nhà thờ. Biên bản được Ủy ban hành chính xã B (chế độ cũ) xác nhận.

Thửa đất này đã được Hội đồng tư vấn xét nguồn gốc đất và thời điểm sử dụng đất thị trấn H xác nhận: “Thửa đất số 237 tờ bản đồ số 23, diện tích 2.242,2 m², mục đích sử dụng: Đất ở tại đô thị 200 m² + đất trồng cây lâu năm 2.042,2 m² tại khu phố 3, thị trấn H có nguồn gốc “Cha mẹ sử dụng vào mục đích làm nhà ở và trồng cây lâu năm từ trước năm 1975 (nay đã chết), bà Nguyễn Thị L là người đại diện hàng thừa kế. Qua kiểm tra hiện trạng sử dụng đất hiện nay có ranh giới rõ ràng, không tranh chấp các hộ liền kề, sử dụng ổn định liên tục. Hội đồng xét duyệt thống nhất thời gian sử dụng tại thửa đất nêu trên” (theo Biên bản ngày 14-12-2020).

Trong thời gian trông coi, quản lý nhà thờ ông Nguyễn Đ Bá có cho em ruột là ông Nguyễn Đ H (chết năm 2002) và con là Nguyễn Đ S ở nhờ. Đến năm 2006, ông Nguyễn Đ Bá qua đời, thì bà Nguyễn Thị L (nguyên đơn) đã lập hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân (sau đây viết tắt là UBND) huyện T cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất (sau đây viết tắt là Giấy CNQSDĐ). Trong khi thực hiện các thủ tục đề nghị UBND huyện T cấp Giấy CNQSDĐ thì ông Nguyễn Đ S và vợ là bà Phan Thị Đ lấn chiếm đất, tổ chức xây dựng công trình trên đất mà không được những người thừa kế đồng ý. Ngày 22-4-2021 và ngày 26-4-2021, bà L gửi đơn kiến nghị đến Phòng Tài nguyên và Môi trường, Phòng Kinh tế hạ tầng huyện T và UBND thị trấn H phản ánh và đề nghị chính quyền và các cơ quan quản lý kiểm tra, xử lý hành vi chiếm đất tổ chức xây dựng trái phép. Ngày 26-4-2021, UBND thị trấn H đã lập biên bản “Buộc ông Nguyễn Đ S đình chỉ thi công xây dựng công trình. Ông Nguyễn Đ S phải lập các thủ tục xin phép xây dựng theo đúng quy định của pháp luật. Nếu ông Nguyễn Đ S không chấp hành sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật”. Ngày 05-5-2021, UBND thị trấn H tiếp tục có buổi làm việc “Đề nghị ông Nguyễn Đ S ngừng việc thi công công trình không có giấy phép xây dựng, làm nhà trên đất cây lâu năm”.

Đến ngày 19-5-2021, Chủ tịch UBND huyện T ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính về “Hành vi tổ chức thi công xây dựng công trình không có giấy phép xây dựng mà theo quy định phải có giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ tại đô thị”. Mặc dù, chính quyền địa phương đã lập Biên bản và xử phạt hành vi vi phạm hành chính, nhưng cho đến nay ông S và bà Đ vẫn ngang nhiên tiếp tục xây dựng. Đến ngày 08-6-2021, UBND thị trấn H đã có cuộc họp hòa giải tranh chấp nhưng không hòa giải thành.

Ông Nguyễn Đ Bá (chết năm 2006) có vợ là bà Nguyễn Thị Ba (chết năm 2012) có con 07 người con là: Bà Nguyễn Thị H (hiện sống tại M), bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Phương L (hiện sống tại M), bà Nguyễn Thị Phương H (hiện sống tại M), ông Nguyễn Đ B, bà Nguyễn Thị Phương T và ông Nguyễn Đ T.

Ông Nguyễn Đ H (chết năm 2002) có vợ là Nguyễn Thị Trình (chết năm 1992) có 04 người con: Ông Nguyễn Đ Dệnh (chết khi còn nhỏ, chưa có vợ con), bà Nguyễn Thị Bích Đ, ông Nguyễn Đ S và ông Nguyễn Đ Sanh (chết khi còn nhỏ, chưa có vợ con).

Do đó, nguyên đơn (Nguyễn Thị L) khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Nguyễn Đ S, bà Phan Thị Đ tháo dỡ công trình xây dựng trái phép, khôi phục lại tình trạng ban đầu và trả lại di sản của ông Nguyễn Đ T cho những người đồng thừa kế đối với quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất 237, tờ bản đồ số 23, diện tích qua đo đạc thực tế là 2.200,8 m² tại số 54 T, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam do bà đại diện nhận.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút yêu cầu “Chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Đ T theo quy định của pháp luật cho những người đồng thừa kế đối với quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất 237, tờ bản đồ số 23, diện tích qua đo đạc thực tế là 2.200,8 m² tại số 54 T, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam”.

Bị đơn, ông Nguyễn Đ S và bà Phan Thị Đ trình bày:

Phần đất tranh chấp trước đây của các cụ để lại cho bố ông là Nguyễn Đ H và ông (S) quản lý, sử dụng. Quá trình quản lý, sử dụng, ông, bà đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế đầy đủ cho Nhà nước. Ông bà không đồng ý việc cấp Giấy CNQSDĐ đứng tên bà Nguyễn Thị L. Nếu gia đình ông, bà được chia 20 m chiều ngang mặt tiền, thì đồng ý để gia đình bà L đứng tên làm thủ tục cấp Giấy CNQSDĐ, nhưng ông, bà phải bàn bạc lại với gia đình. Hiện nay, ông bà đã xây dựng ngôi nhà 02 tầng kiên cố trên một phần diện tích đất tranh chấp và đã bị xử phạt hành chính về hành vi xây dựng trái phép với số tiền 25.000.000 đồng. Do đó, ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị Phương L, bà Nguyễn Thị Phương H, ông Nguyễn Đ B, bà Nguyễn Thị Phương T và ông Nguyễn Đ T (con ông Nguyễn Đ Bá) đều thống nhất:

Cha các ông, bà được ông Nguyễn Đ T giao quản lý di sản thờ cúng theo “Bản phân thờ trích trí ruộng tự” đề ngày 25-4-1967 và được bà Nguyễn Thị C (vợ ông Nguyễn Đ T) bàn giao vào ngày 27-12-1971, di sản gồm: Nhà và đất tại thửa đất 237, tờ bản đồ số 23, diện tích qua đo đạc thực tế là 2.200,8 m² tại số 54 T, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam. Nay, cha mẹ các ông bà đã qua đời nên ông, bà đồng ý và đã bàn giao lại tài sản là: Nhà và đất nêu trên cho các con của ông Nguyễn Đ T gồm: Bà Nguyễn Thị H (chết năm 1990, không có chồng, chỉ có một người con duy nhất là ông Lê Xuân Q), bà Nguyễn Thị L và Nguyễn Thị C do bà Nguyễn Thị L đại diện nhận.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2022/DS-ST ngày 31-8-2022, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam:

Áp dụng khoản 5 Điều 26, 34, 227, 228 và khoản 2 điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 166, 167, 168, 169 và Điều 618 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết 1037/2006/NQ-UBTVQH11 ngày 27-7-2006 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; các Điều 12, 14, khoản 1 và khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị L về “Tranh chấp đòi lại di sản thừa kế” với ông Nguyễn Đ S và bà Phan Thị Đ.

- Buộc bị đơn là ông Nguyễn Đ S và bà Phan Thị Đ trả lại di sản của ông Nguyễn Đ T là nhà và vật kiến trúc nằm trên diện tích 1.495,7 m² đất (trong đó: Đất ở đô thị 200 m² + đất trồng cây lâu năm 1.295,7 m²) của thửa đất số 237, tờ bản đồ số 23 tại số 54 T, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam cho bà Nguyễn Thị L quản lý và sử dụng.

Công nhận diện tích 705,1 m² đất; mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm của thửa đất số 237, tờ bản đồ số 23, tại số 54 T, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam (phần đất có nhà và vật kiến trúc của vợ chồng ông S) thuộc quyền quản lý, sử dụng của vợ chồng ông Nguyễn Đ S, bà Phan Thị Đ và bà Nguyễn Thị Bích Đ (có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Bà Nguyễn Thị L hoàn trả cho ông Nguyễn Đ S và bà Phan Thị Đ 9.543.700 đồng (chín triệu năm trăm bốn mươi ba ngàn bảy trăm đồng).

- Đình chỉ giải quyết yêu cầu chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Đ T theo quy định của pháp luật cho những người đồng thừa kế đối với quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất 237, tờ bản đồ số 23, diện tích qua đo đạc thực tế là 2.200,8 m² tại số 54 T, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí sơ thẩm, chi phí tố tụng, quyền, nghĩa vụ thi hành án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 10-9-2022, bị đơn là ông Nguyễn Đ S kháng cáo toàn bộ bản án.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát;

TOÀ ÁN NHẬN ĐỊNH:

[1]. Ngày 10-9-2022, bị đơn là ông Nguyễn Đ S kháng cáo bản án. Đơn kháng cáo của đương sự là trong thời hạn quy định tại Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, do đó Hội đồng xét xử quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm.

Tại phiên tòa, người bị đơn giữ nguyên kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; nguyên đơn đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Như vậy, các đương sự không thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự:

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2]. Xét kháng cáo của đương sự:

[2.1]. Về tố tụng:

Bà Nguyễn Thị L khởi kiện, yêu cầu: Buộc bị đơn là ông Nguyễn Đ S và bà Phan Thị Đ tháo dỡ công trình xây dựng trái phép, khôi phục lại tình trạng ban đầu và trả lại di sản của ông Nguyễn Đ T cho những người đồng thừa kế đối với quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 237, tờ bản đồ số 23, diện tích qua đo đạc thực tế là 2.200,8 m² tại số 54 T, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam do bà đại diện nhận. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam thụ lý, giải quyết và xác định quan hệ

pháp luật giải quyết trong vụ án là “Tranh chấp đòi lại di sản thừa kế” là đúng quy định tại khoản 5 Điều 26, Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn rút yêu cầu “Chia di sản thừa kế của ông Nguyễn Đ T theo quy định của pháp luật cho những người đồng thừa kế đối với quyền sử dụng đất và tài sản trên đất thuộc thửa đất số 237, tờ bản đồ số 23, diện tích qua đo đạc thực tế là 2.200,8 m² tại số 54 T, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam”. Xét thấy, việc rút yêu cầu của đương sự là tự nguyện, do đó Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu này là đúng quy định tại khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm lần thứ hai vắng mặt một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, nhưng các đương sự này có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan còn lại đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai, nhưng vắng mặt không có lý do, nên Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vắng mặt là đúng quy định tại Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2.2]. Về nội dung:

[2.2.1]. Về tài sản tranh chấp:

Căn cứ kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 16-12-2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam (bút lục số 72 đến bút lục số 78) thì: Diện tích đất tranh chấp là 2.200,8 m² thuộc thửa đất số 237, tờ bản đồ số 23, tại số 54, đường T, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Tài sản trên đất tranh chấp gồm:

- + Nhà ở số 01 có diện tích 110,5 m², là nhà dùng để thờ;
- + Nhà ở số 02 có diện tích 34,8 m², chái của nhà thờ;
- + Nhà ở số 03 là nhà xây 02 tầng, do vợ chồng ông Nguyễn Đ S và bà Phan Thị Đ xây dựng, có diện tích 206 m².

Ngoài ra, còn có các vật kiến trúc khác như nhà bếp, nhà vệ sinh, bình phong, nền gạch men và các cây trồng khác.

[2.2.2]. Về nguồn gốc diện tích đất tranh chấp:

Tại Biên bản họp hội đồng tư vấn xét nguồn gốc đất và thời điểm sử dụng đất để cấp Giấy CNQSDĐ của bà Nguyễn Thị L, do UBND thị trấn H, huyện T lập ngày 14-12-2020 (bút lục số 21) thể hiện: Thửa đất số 237, tờ bản đồ số 23, diện tích 2.242,2 m² (đo thực tế là 2.200,8 m²) tại số 54, đường T, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam; mục đích sử dụng: Đất ở đô thị 200 m² + đất trồng cây lâu năm 2.042,2 m², có nguồn gốc: Cha, mẹ sử dụng vào mục đích làm nhà ở và trồng cây lâu năm từ trước năm 1975 (nay đã chết), bà Nguyễn Thị L là người đại diện hàng thừa kế. Qua kiểm tra hiện trạng sử dụng đất: Hiện nay có ranh giới rõ ràng, không tranh chấp với các hộ liên kề, sử dụng ổn định liên tục.

Tại “Bản phân thư trích trí ruộng tự” đề ngày 26-4-1967 (bút lục số 10), được bà Nguyễn Thị C (là vợ cả ông Nguyễn Đ T) bàn giao ngày 14-12 năm Tân Hợi (bút lục số 46) thể hiện: Nhà và đất tại thửa đất số 237, tờ bản đồ số 23, diện tích qua đo đạc thực tế là 2.200,8 m² tại số 54, đường T, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam là thuộc quyền sở hữu của ông Nguyễn Đ T. Ông Nguyễn Đ Bá (là anh của ông Nguyễn Đ H) chỉ được giao quản lý, trông coi nhà và lo thờ cúng ông, bà. Tất cả các con của

ông Nguyễn Đ Bá đều thừa nhận và thống nhất xác định: Nay cha mẹ chúng tôi đã qua đời, chúng tôi đồng ý và đã bàn giao lại tài sản là nhà và đất tại thửa đất số 237, tờ bản đồ số 23, tại số 54, đường T, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam cho các con của ông Nguyễn Đ T gồm: Bà Nguyễn Thị H (mất năm 1990, không có chồng chỉ có một người con duy nhất là ông Lê Xuân Q), bà Nguyễn Thị L và bà Nguyễn Thị C.

Ngoài ra, bà Nguyễn Thị Bích Đ (là chị ông Nguyễn Đ S) thừa nhận, ông Nguyễn Đ T chỉ giao cho ông Nguyễn Đ Bá quản lý, trông coi nhà và đất tại thửa đất 237, tờ bản đồ số 23 tại số 54, đường T, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam để lo thờ cúng ông bà. Đối với ông Nguyễn Đ S và bà Phan Thị Đ, mặc dù tranh chấp và không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L, nhưng ông, bà cũng thừa nhận nhà và đất nêu trên không thuộc quyền sở hữu của mình. Như vậy, căn cứ quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh, do đó có cơ sở để xác định nguồn gốc thửa đất số 237, tờ bản đồ số 23, diện tích thực tế là 2.200,8 m² tại số 54, đường T, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam là của ông Nguyễn Đ T, mà bà Nguyễn Thị L là người đại diện. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị L *“Buộc ông Nguyễn Đ S và bà Phan Thị Đ trả lại di sản của ông Nguyễn Đ T là nhà và thửa đất 237, tờ bản đồ số 23, diện tích qua đo đạc thực tế là 2.200,8 m² tại số 54, đường T, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam cho bà Nguyễn Thị L”* là có căn cứ.

[2.2.3]. Về công sức tôn tạo, gìn giữ và quản lý di sản thừa kế:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thừa nhận: Từ khi được bà Nguyễn Thị C (vợ cả ông Nguyễn Đ T) bàn giao quản lý tài sản là ngôi nhà và đất tại số 54, đường T, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam, ông Nguyễn Đ Bá có cho gia đình ông Nguyễn Đ H (là em ruột) ở nhờ từ trước năm 1970. Sau khi ông Nguyễn Đ H chết (năm 2002), vợ chồng ông Nguyễn Đ S (con ông Nguyễn Đ H) tiếp tục ở, tu bổ, sửa chữa ngôi nhà và có công sức tôn tạo, gìn giữ và quản lý nhà và đất cho đến nay. Trong quá trình quản lý sử dụng nhà đất, vợ chồng ông Nguyễn Đ S rất có trách nhiệm, nộp thuế sử dụng đất đầy đủ, nên đề nghị tính công sức tôn tạo, gìn giữ và quản lý di sản thừa kế cho vợ chồng ông Nguyễn Đ S.

Tại Biên bản làm việc ngày 05-5-2021, do UBND thị trấn H (bút lục số 49 và số 50) các đương sự thỏa thuận: Giao cho vợ chồng ông Nguyễn Đ S được quyền quản lý và sử dụng phần diện tích có mặt tiền đường T là 20 m. Bà Phan Thị Đ cũng đồng ý lấy 20 m mặt tiền đường T, nhưng do các bên không thống nhất được người đại diện đứng tên trên Giấy CNQSDĐ và không tin tưởng nhau, nên không thực hiện được. Do đó, căn cứ vào Biên bản xem xét, thẩm định ngày 16-12-2021 (bút lục số 72 và số 73), Tòa án cấp sơ thẩm tính *“Công sức tôn tạo, gìn giữ và quản lý di sản thừa kế của vợ chồng ông Nguyễn Đ S và bà Phan Thị Đ và bà Nguyễn Thị Bích Đ là quyền sử dụng diện tích 705,1 m² đất (phần đất hiện có nhà và vật kiến trúc của vợ chồng ông Nguyễn Đ S). Phần diện tích 1.495,7 m² đất còn lại của thửa đất 237, tờ bản đồ số 23, thuộc quyền quản lý và sử dụng của bà Nguyễn Thị L”* và xác định *“Quá trình quản lý, sử dụng nhà của ông Nguyễn Đ T, vợ chồng ông Nguyễn Đ S có tu bổ: Lót nền gạch men và được định giá là 9.543.700 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm đại*

diện bà Nguyễn Thị L đồng ý tự nguyện hoàn trả số tiền trên cho vợ chồng ông Nguyễn Đ S, nên Hội đồng xét xử ghi nhận” là đúng pháp luật.

Như vậy, kháng cáo của bị đơn là ông Nguyễn Đ S đã được Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét và không có cơ sở để chấp nhận.

[3]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Đ S phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là ông Nguyễn Đ S.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2022/DS-ST ngày 31-8-2022 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

2. Áp dụng các Điều 166, 167, 168, 169 và Điều 618 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị L về “Tranh chấp đòi lại di sản thừa kế” với ông Nguyễn Đ S và bà Phan Thị Đ.

- Buộc bị đơn là ông Nguyễn Đ S và bà Phan Thị Đ trả lại di sản của ông Nguyễn Đ T là nhà và vật kiến trúc nằm trên diện tích 1.495,7 m² đất (trong đó: Đất ở đô thị 200 m² + đất trồng cây lâu năm 1.295,7 m²) của thửa đất số 237, tờ bản đồ số 23 tại số 54 T, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam cho bà Nguyễn Thị L đại diện quản lý, sử dụng.

Công nhận diện tích 705,1 m² đất; mục đích sử dụng: Đất trồng cây lâu năm của thửa đất 237, tờ bản đồ số 23, tại số 54 T, thị trấn H, huyện T, tỉnh Quảng Nam (phần đất có nhà và vật kiến trúc của vợ chồng ông S) thuộc quyền quản lý, sử dụng của vợ chồng ông Nguyễn Đ S, bà Phan Thị Đ và bà Nguyễn Thị Bích Đ (có sơ đồ bản vẽ kèm theo).

Bà Nguyễn Thị L hoàn trả cho ông Nguyễn Đ S và bà Phan Thị Đ 9.543.700 đồng (chín triệu năm trăm bốn mươi ba ngàn bảy trăm đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án về khoản tiền phải thi hành án, nếu người phải thi hành án không chịu thi hành án thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Các quyết định khác được thực hiện theo Bản án dân sự sơ thẩm số 36/2022/DS-ST ngày 31-8-2022 của Toà án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

4. Về án phí:

Căn cứ Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Đ S phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000218 ngày 20-9-2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam, nay được chuyển thành án phí; ông Nguyễn Đ S đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Nam;
- TANDTC - Vụ II;
- VKSNDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THA dân sự tỉnh Quảng Nam;
- Người tham gia tố tụng (theo địa chỉ);
- Lưu: H/sơ vụ án, Phòng HCTP, LTHS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Việt Cường